

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Giữa niên độ - Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	01 VI.19	41,735,383,853	37,915,843,027	128,058,860,554	104,373,988,763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.20	-	-	1,825,372	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.21	41,735,383,853	37,915,843,027	128,057,035,182	104,373,988,763
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.22	28,270,875,593	26,354,906,091	86,028,096,105	74,521,133,270
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	13,464,508,260	11,560,936,936	42,028,939,077	29,852,855,493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.23	452,546,553	173,142,522	1,899,138,234	485,031,424
7. Chi phí tài chính	22 VI.24	1,628,068,341	703,058,092	4,522,542,028	3,810,102,810
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,587,406,547	584,347,839	4,475,324,478	3,570,760,304
8. Chi phí bán hàng	24	4,534,107,659	3,468,496,628	14,524,660,144	8,279,323,407
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,540,852,431	3,575,065,097	11,846,106,597	10,883,321,348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30	4,214,026,382	3,987,459,641	13,034,768,542	7,365,139,352
11. Thu nhập khác	31	98,726,540	50,242,031	1,282,952,252	333,075,011
12. Chi phí khác	32	97,332,334	486,839,833	106,943,871	523,034,806
13. Lợi nhuận khác	40	1,394,206	(436,597,802)	1,176,008,381	(189,959,795)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	50	0	-	(72,998,320)	107,447,846
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40 + 50)	60	4,215,420,588	3,550,861,839	14,137,778,603	7,282,627,403
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61 VI.25	901,589,146	381,444,921	2,985,191,509	895,931,015
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62 VI.26	-	-	(25,722,589)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70 = 60 - 61 - 62)	70 VI.28	3,313,831,442	3,169,416,918	11,178,309,683	6,386,696,388
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		387,017,794	641,487,294	1,041,600,759	1,407,456,569
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2,926,813,648	2,527,929,624	10,136,708,924	4,979,239,819
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		397	380	1,338	765

Đà Lạt, ngày 01 tháng 11 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Mỹ Dung

Trương Hùng Minh